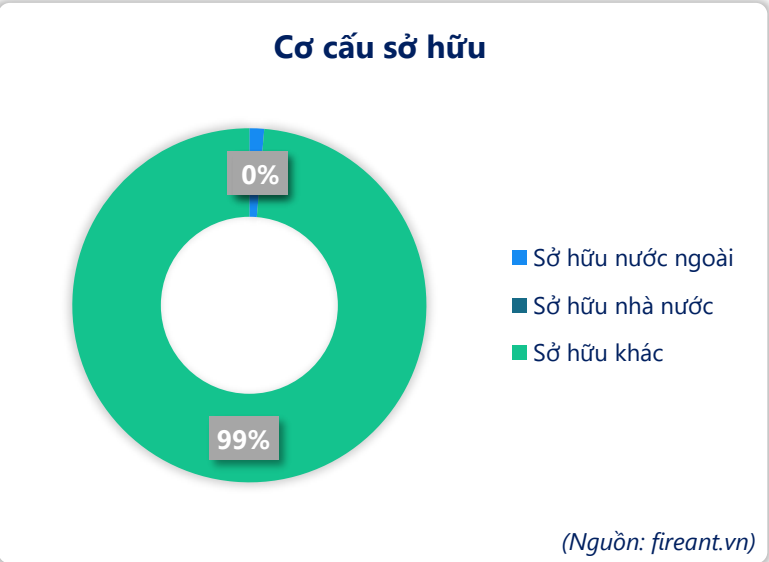
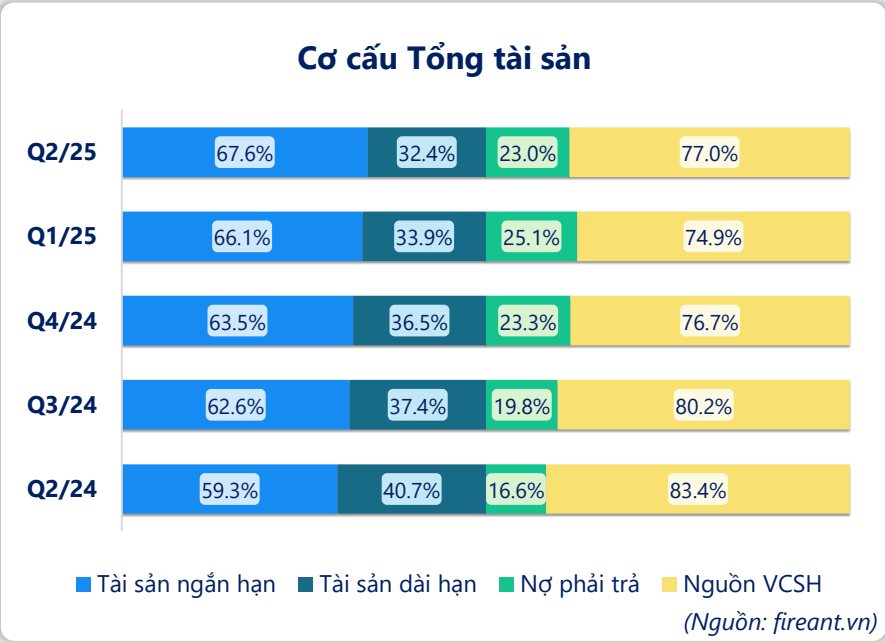
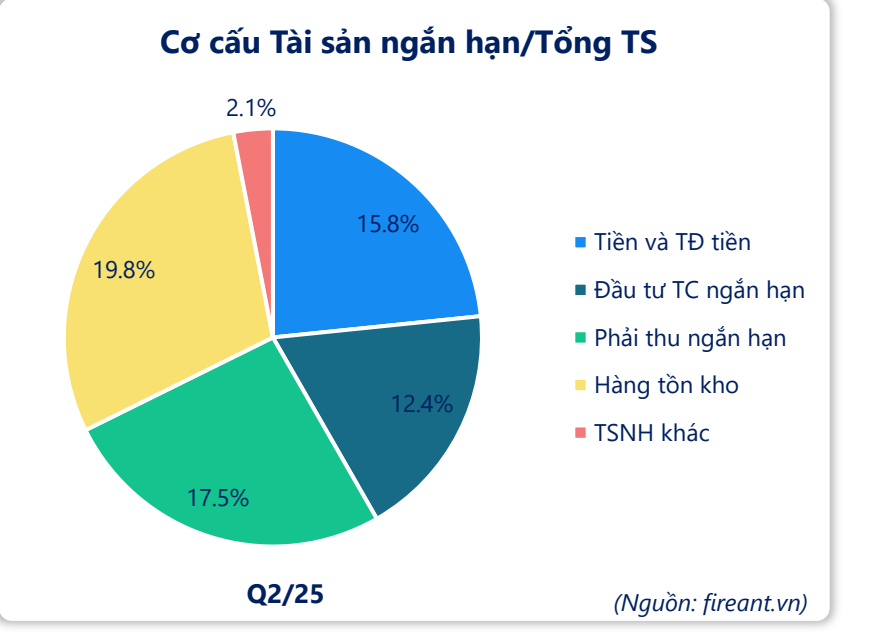
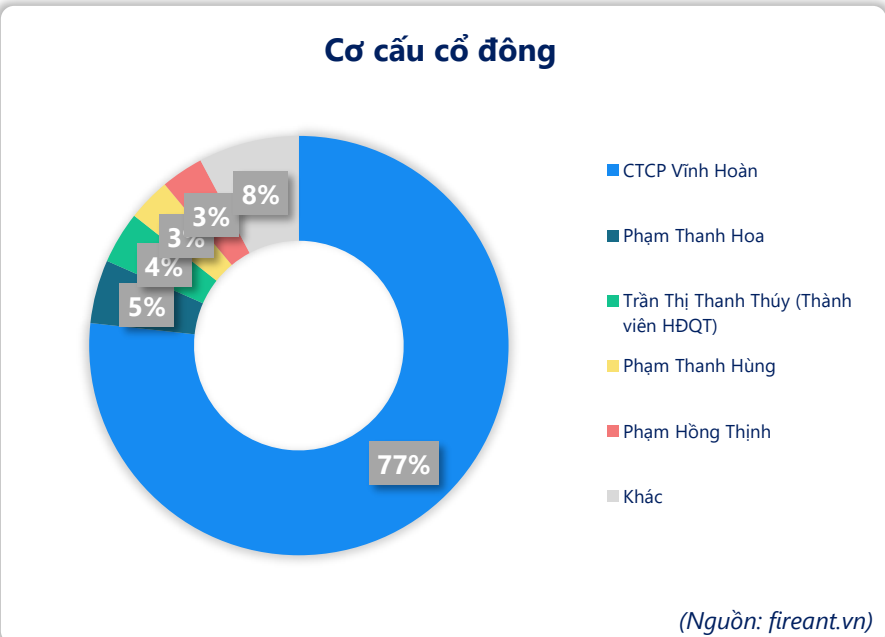
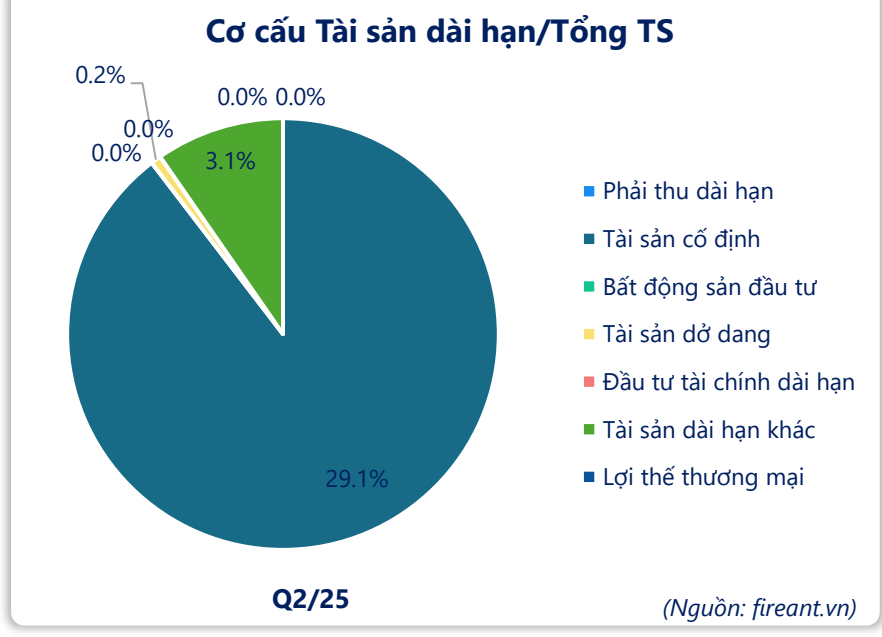
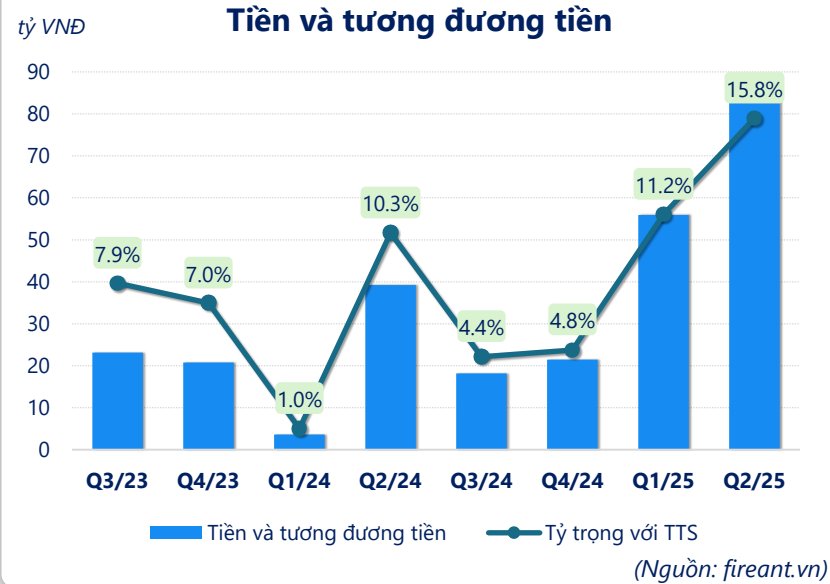
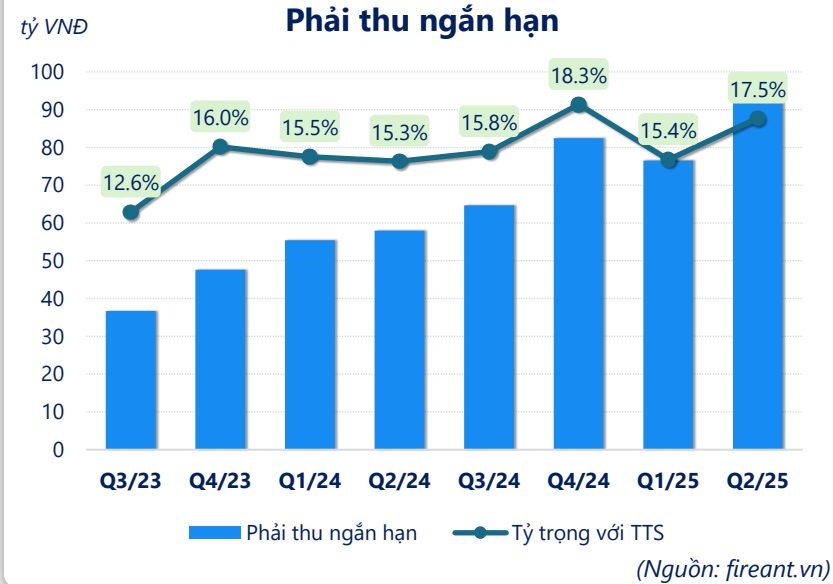
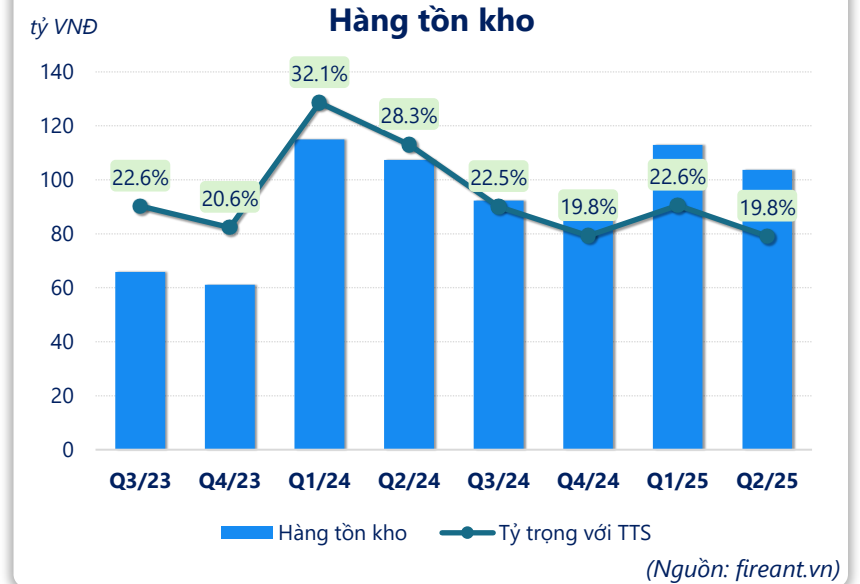
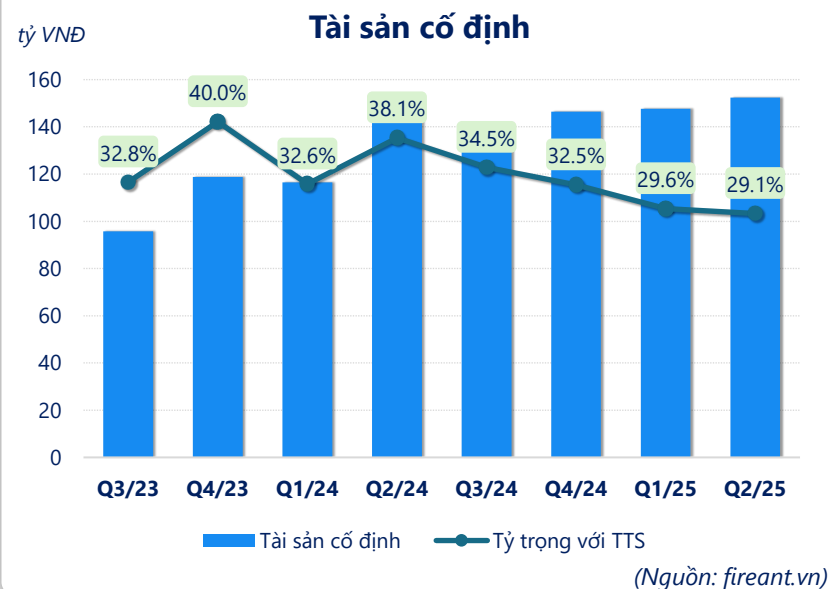
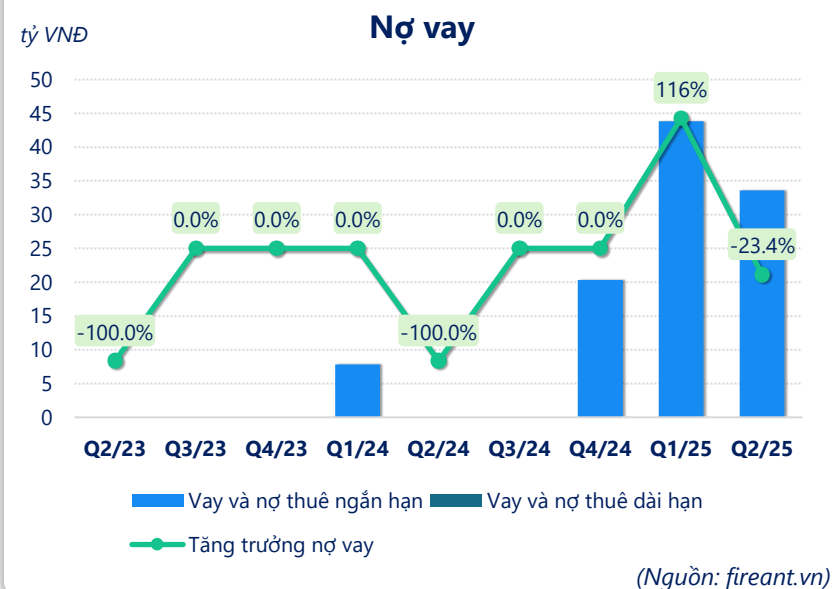
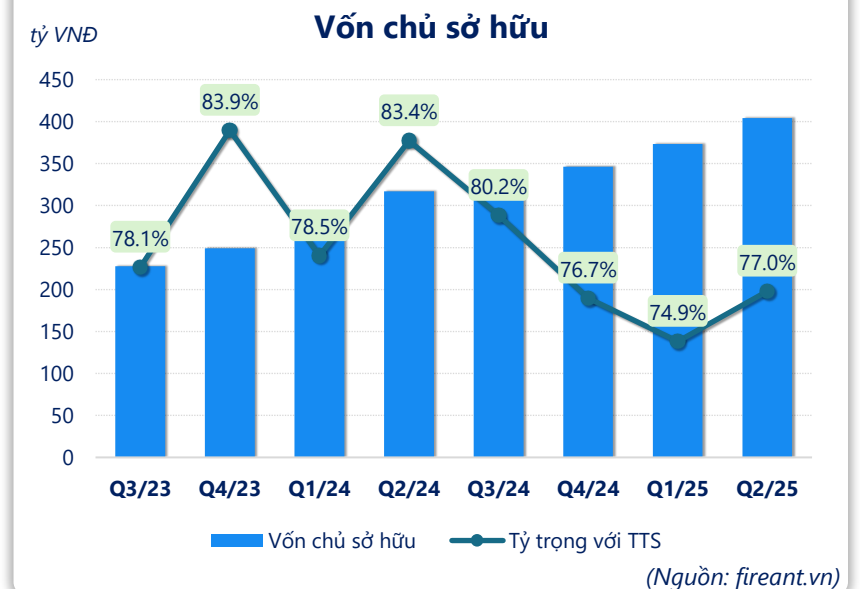
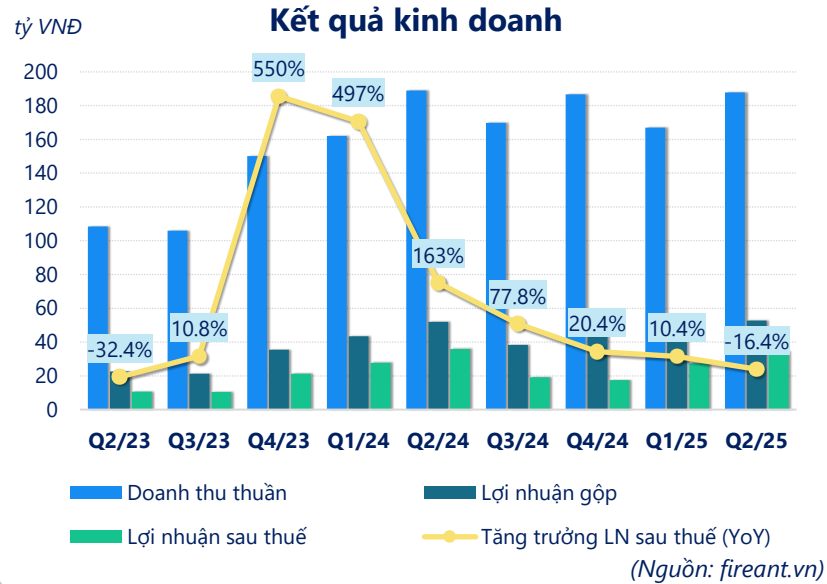
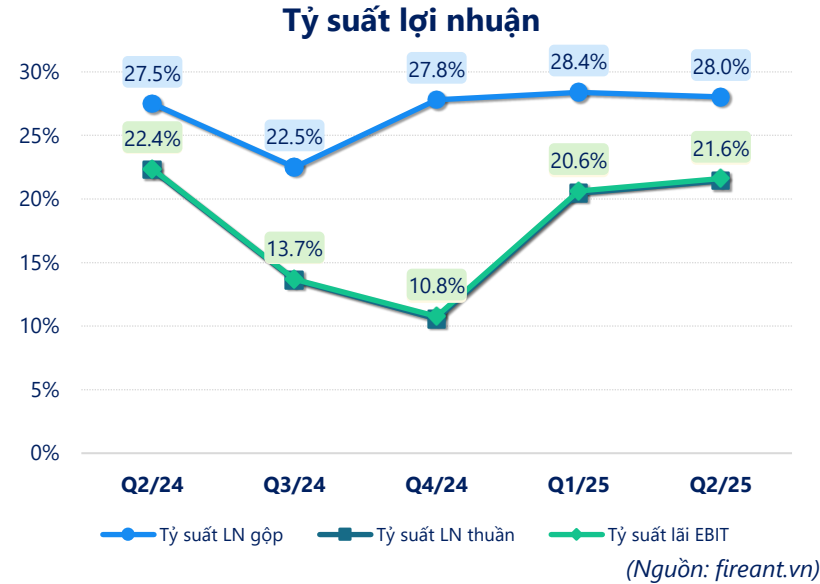
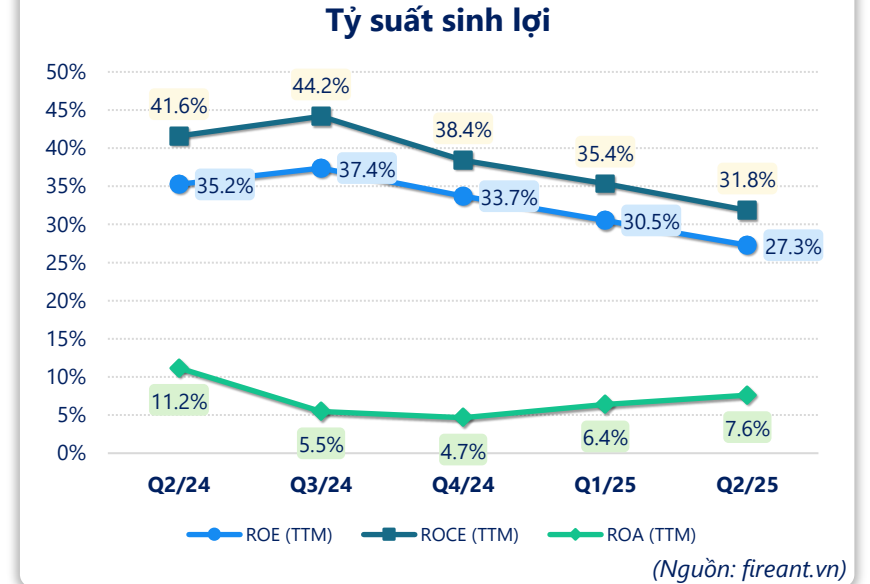
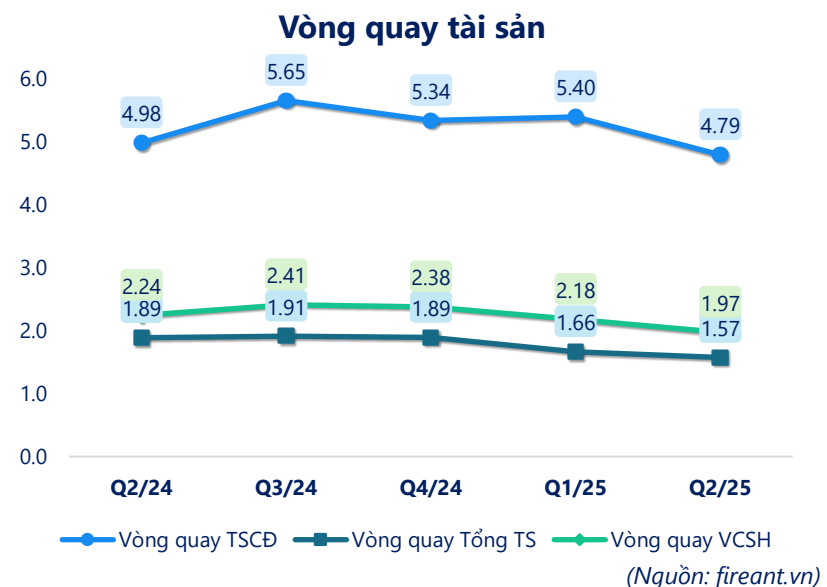
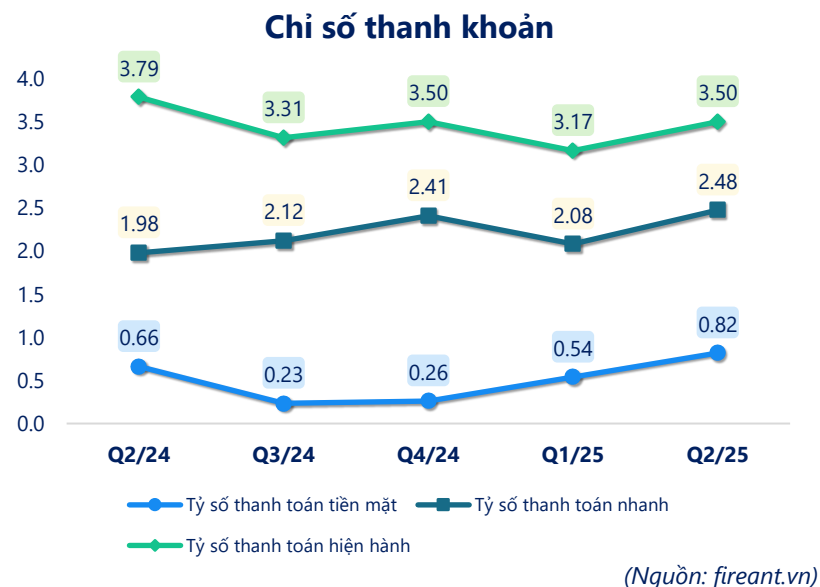
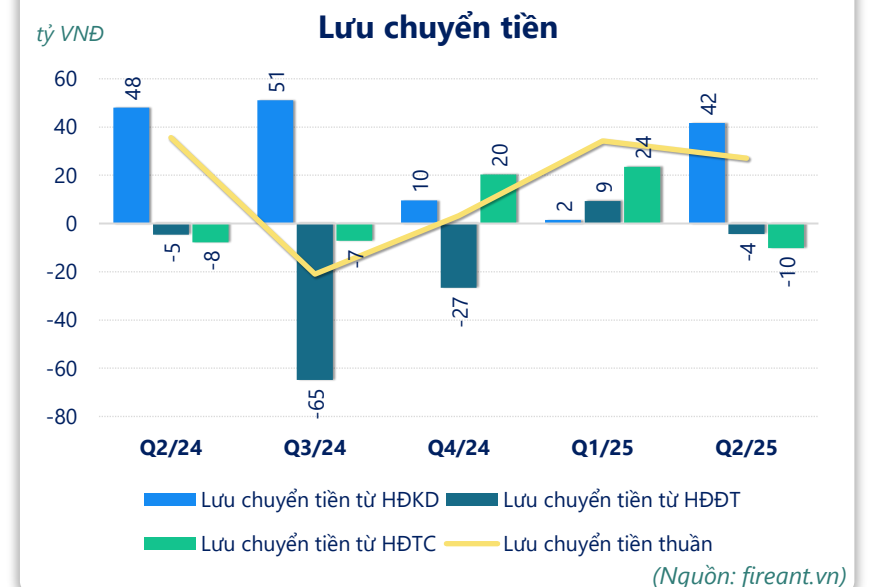


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		115,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		148,517
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		88,593
SL cổ phiếu LH		7,147,580
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,570
% sở hữu nước ngoài		1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		822
P/E		8.4
EPS		13,752

	YTD	1T	3T	6T
SGC	-2.1%	11.6%	-9.3%	-3.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	524	450	16.4%
Tài sản ngắn hạn	354	286	23.9%
Tiền và tương đương tiền	82.8	21.5	286%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.0	85.0	-23.5%
Phải thu ngắn hạn	92.0	82.5	11.6%
Hàng tồn kho	104	88.7	17.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	8.37	28.9%
Tài sản dài hạn	170	165	3.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	152	146	4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.31	3.97	-67.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	16.4	14.1	16.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	120	104	15.5%
Nợ ngắn hạn	101	79.0	28.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.6	20.3	65.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	13.7	18.2	-25.0%
Nợ dài hạn	19.2	25.3	-24.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	404	346	16.7%
Vốn chủ sở hữu	404	346	16.7%
Vốn điều lệ	71.5	71.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	189	170	187	167	188
Giá vốn hàng bán	137	132	135	120	135
Lợi nhuận gộp	51.9	38.2	52.0	47.4	52.6
Doanh thu HĐTC	2.72	0.61	4.49	1.73	3.77
Chi phí TC	0.41	1.30	-0.05	0.48	0.60
Chi phí lãi vay	0.10	0	0.05	0.22	0.49
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	8.06	9.02	12.3	8.49	10.3
Chi phí QLDN	4.07	5.36	24.4	6.01	5.31
LN thuần từ HĐKD	42.1	23.1	19.7	34.2	40.2
Lợi nhuận khác	0.03	0.10	0.32	0.08	-0.16
LN trước thuế	42.1	23.2	20.1	34.2	40.1
Lợi nhuận sau thuế	35.9	19.2	17.4	27.3	34.4
LNST của CĐ cty mẹ	35.9	19.2	17.4	27.3	34.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	48.1	51.0	9.51	1.52	41.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.63	-64.9	-26.6	9.23	-4.36
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.81	-7.15	20.3	23.5	-10.2
Tiền đầu kỳ	3.59	39.2	18.2	21.5	55.9
Lưu chuyển tiền thuần	35.6	-21.0	3.21	34.3	27.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	-0.06	0.09	0.18	-0.17
Tiền cuối kỳ	39.2	18.2	21.5	55.9	82.8

(Nguồn: fireant.vn)